

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 147/2020/DS-ST

Ngày: 18 - 9- 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU G**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Lắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn G.

Bà Hồ Thị Út.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu G.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:***  
***Bà:*** Nguyễn Mỹ Diện - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2020/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV).

Đại diện theo pháp luật ông Phan Đức Tú. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quốc Khởi – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hậu G.

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tứ Phương, sinh năm: 1964. Cán bộ xử lý nợ.

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Công Trứ, phường 1, thành phố Vị Thanh, Hậu G.  
Có mặt.

2. Bị đơn: - Ông Giáp Văn T, sinh năm: 1962.

- Bà Phạm Thị G, sinh năm: 1970.

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường T, thị xã M, tỉnh Hậu G. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 06/5/2020 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Tứ Phương trình bày: Vào ngày 15/8/2005 ông Giáp Văn T và bà Phạm Thị G có vay của Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long, chi nhánh Vị Thanh (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hậu G theo Quyết định sáp nhập số 589/QĐ-NHNN ngày 25/4/2015 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam) số tiền 100.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số TA 0363.05/HĐTD, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thỏa thuận trong hạn 1,15%, lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là bổ sung vốn xây nhà. Khi vay ông T bà G có thể chấp cho Ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 ngày 20/12/2004 do ông Giáp Văn T đứng tên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00767 cấp ngày 04/01/2002 do hộ ông Giáp Văn T và bà Phạm Thị G đứng tên để đảm bảo việc trả nợ. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.000 đồng cho ông T bà G ngày 15/8/2005, đến ngày 20/12/2019 ông T và bà G đã trả nợ gốc 100.000.000 đồng nhưng phần lãi trong hạn và quá hạn chưa thanh toán. Tính đến ngày 18/9/2020 ông T bà G còn nợ lãi tổng cộng là 197.807.141 đồng, trong đó lãi trong hạn là 177.616.479 đồng, lãi quá hạn là 20.190.660 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T bà G thanh toán toàn bộ số lãi còn nợ nhưng ông T bà G vẫn chưa thực hiện. Nay ngân hàng yêu cầu ông T bà G trả số lãi trong hạn và quá hạn phát sinh theo hợp đồng là 197.807.141 đồng. Nếu ông T bà G không còn khả năng trả nợ ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Giáp văn T và bà Phạm Thị G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên chưa có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của

những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ngân hàng đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71, Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T bà G chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Giáp Văn T và bà Phạm Thị G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T bà G.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung: Vào ngày 15/8/2005 ông Giáp Văn T và bà Phạm Thị G có vay của Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long, chi nhánh Vị Thanh (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hậu G) số tiền 100.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số TA 0363.05/HĐTD, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thỏa thuận trong hạn 1,15%, lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 100.000.000 đồng cho ông T bà G ngày 15/8/2005 đến ngày 20/12/2019 ông T và bà G đã trả nợ gốc 100.000.000 đồng nhưng phần lãi trong hạn và quá hạn chưa thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T bà G thanh toán số lãi phát sinh theo hợp đồng nhưng ông T bà G không thực hiện nên phát sinh tranh chấp.

[4] Xét hợp đồng tín dụng số TA0363.05 ngày 15/8/2005 giữa ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long, chi nhánh Vị Thanh (nay là ngân

hàng đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Hậu G) thì ông T bà G có vay ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Hậu G số tiền 100.000.000 thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất trong hạn 1,15%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn, mục đích vay bổ sung vốn xây nhà, định kỳ 06 tháng trả 10.000.000 số tiền gốc, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/8/2010, trả lãi vào ngày 15 hàng tháng. Xét thấy nội dung và hình thức hợp đồng đã phù hợp theo quy định tại Điều 51 Luật tổ chức tín dụng và Điều 407 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó hợp đồng trên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[5] Phía ngân hàng đã giải ngân cho ông T bà G vào ngày 15/8/2005 đến ngày 20/12/2019 ông T bà G đã thanh toán 100.000.000 đồng nợ gốc cho ngân hàng nhưng chưa thanh toán lãi phát sinh theo hợp đồng, phía ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T bà G thanh toán lãi nhưng ông T, bà G vẫn chưa thực hiện.

[6] Xét yêu cầu tính lãi của ngân hàng: Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì lãi suất trong hạn ông T bà G phải trả cho ngân hàng là 1,15%, lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn. Đối chiếu với quy định của pháp luật ngân hàng tại khoản 01 Điều 13 thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng...*” và khoản 2 Điều 90 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất ...theo quy định pháp luật*”. Do đó, việc ngân hàng yêu cầu ông T bà G có trách nhiệm trả lãi theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tính từ ngày vay 15/8/2005 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/9/2020 phần lãi trong hạn là 177.616.479 đồng và phần lãi quá hạn là 20.190.660 đồng là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Hội đồng xét xử nhận thấy: Cùng với việc ký kết hợp đồng tín dụng thì ngày 15/8/2005 ông T bà G ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại hợp đồng thế chấp số TA0363.05/HĐTC tài sản thế chấp là phần đất tại thửa thửa 1947 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 cấp ngày 20/12/2004 do ông Giáp Văn T đứng tên, thửa đất số 1545, 1546 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00767 cấp ngày 04/01/2002 do ông Giáp Văn T và bà Phạm Thị G đứng tên và căn nhà cấp 3 tại ấp 1, thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ (cũ), nay là khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu G để đảm bảo việc trả nợ. Ngày 11/8/2020 Tòa án đã tiến hành

xem xét thẩm định tại chỗ, qua kết quả thẩm định thì phần đất ông T bà G thế chấp cho ngân hàng thì ông T bà G vẫn còn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất thế chấp có căn nhà của ông T bà G hiện bỏ hoang không ai sử dụng. Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long với ông Giáp Văn T, bà Phạm Thị G có lập thành văn bản và có Công chứng của Phòng Tư pháp huyện Long Mỹ (cũ), do đó về hình thức hợp đồng thế chấp tuân thủ đúng quy định của pháp luật tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005. Về nội dung: Đối với phần đất tại thửa 1947 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 cấp ngày 20/12/2004 do cá nhân ông Giáp Văn T đứng tên. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00767 thửa 1545, 1546 cấp ngày 04/01/2002 do ông Giáp Văn T và bà Phạm Thị G nhưng trong giấy ghi họ ông Giáp Văn T. Theo sổ hộ khẩu của ông Giáp Văn T thì có bà Phạm Thị G là vợ, con là Giáp Thị Thu Hương, sinh ngày 10/6/1992, Giáp Thị Thu Hà, sinh ngày 12/02/1995, Giáp Hoàng Tâm, sinh ngày 07/11/2003 trong khi đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00767 thửa 1545, 1546 cấp cho ông T bà G ngày 04/01/2002, thời điểm cấp giấy cháu Hương chưa được 10 tuổi, cháu Hà chỉ 07 tuổi, cháu Tâm chưa sinh nên Hộ đồng xét xử có căn cứ xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00767 thửa 1545, 1546 chỉ cấp cho ông T bà G chứ không phải cấp cho họ ông T, bà G nên Tòa án không đưa cháu Hương cháu Hà cháu Tâm tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 109 Bộ luật dân sự 2005. Như vậy phần đất tại thửa 1947 do cá nhân ông T đứng tên, phần đất tại thửa 1545, 1546 do ông T và bà G đứng tên nên ông T bà G có quyền thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo việc trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 318, 322, 342 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 106 Luật đất đai năm 2003. Do đó, trường hợp ông T bà G không thanh toán hết số nợ lãi phát sinh theo hợp đồng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[9] Về án phí: Ông T bà G phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Chi phí xem xét thẩm định ông T bà G phải chịu 2.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, 35, 157, 227, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 318, 322, 342, 343, 407 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm

2010; Điều 13 thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam.

Buộc ông Giáp Văn T, bà Phạm Thị G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam phần lãi đối với hợp đồng tín dụng số TA0363.05 ngày 15/8/2002 số tiền tổng cộng là 197.807.141 đồng (*một trăm chín mươi bảy triệu tám trăm lẻ bảy nghìn một trăm bốn mươi mốt đồng*), trong đó, lãi trong hạn 177.616.479 đồng và lãi quá hạn là 20.190.660 đồng.

Ông Giáp Văn T, bà Phạm Thị G phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm ( 18/9/2020) theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết.

Trường hợp ông Giáp Văn T và bà Phạm Thị G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu phát mãi phần đất tại thửa 1947, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 cấp ngày 20/12/2004 do ông Giáp Văn T đứng tên và phần đất tại thửa 1545, 1546, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00767 cấp ngày 04/01/2002 do ông Giáp Văn T và bà Phạm Thị G đứng tên để đảm bảo cho việc trả nợ.

Sau khi ông Giáp Văn T, bà Phạm Thị G thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 cấp ngày 20/12/2004 cho ông Giáp Văn T, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00767 cấp ngày 04/01/2002 cho ông Giáp Văn T và bà Phạm Thị G.

Về án phí: Ông Giáp Văn T bà Phạm Thị G phải chịu 9.890.357 đồng (*chín triệu tám trăm chín mươi nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng*) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.097.000 đồng (*năm triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0000386 ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu G.

Chi phí xem xét thẩm định ông Giáp Văn T, bà Phạm Thị G phải chịu 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) do Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam đã nộp tạm ứng trước nên ông Giáp Văn T bà Phạm Thị G có nghĩa vụ nộp trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn Giáp Văn T, Phạm Thị G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu G;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Trần Văn Lãm**